

Số: 56 /2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung ngày 16 tháng 6 năm 2025);

Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 42/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; Nghị định số 159/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng; Nghị định số 42/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 42/2026/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm

nghiệp và kiểm lâm; Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số nội dung của Luật Lâm nghiệp và sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm;

Căn cứ Quyết định số 127/2000/QĐ-BNN-KL ngày 11 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) ban hành quy định về cấp dự báo, báo động và biện pháp tổ chức thực hiện phòng cháy, chữa cháy rừng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 16051/TTr-SNNMT-CCKL ngày 29 tháng 5 năm 2026 về việc ban hành cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và ý kiến tham định của Sở Tư pháp tại Công văn số 5216/BC-STP ngày 14 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến quy định cấp dự báo cháy rừng, bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Cấp dự báo cháy rừng

1. Cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn Thành phố gồm 5 cấp, từ cấp I đến cấp V, cụ thể:

a) Cấp I (cấp thấp): Ít có khả năng cháy rừng, khả năng cháy rừng thấp, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số I;

b) Cấp II (cấp trung bình): Có khả năng cháy rừng; khả năng cháy rừng ở mức trung bình, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số II;

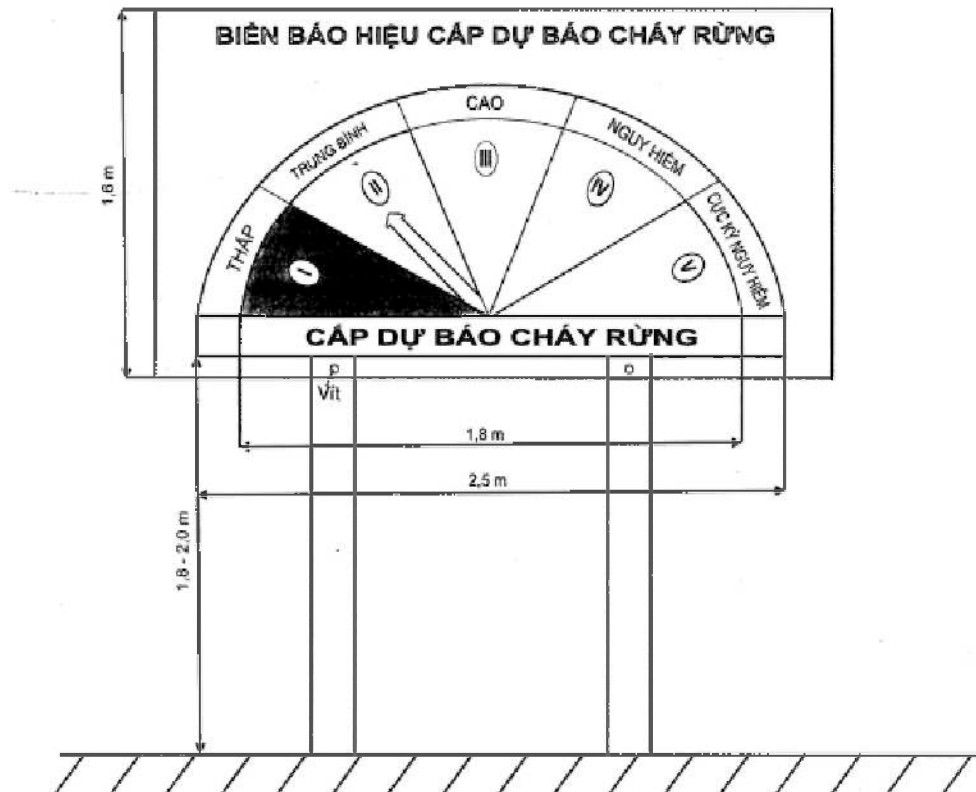
c) Cấp III (cấp cao): Thời tiết khô hanh kéo dài, dễ xảy ra cháy rừng; chú trọng phòng cháy các loại rừng (như: Tràm, Bạch đàn, Keo, Tre nứa); khả năng cháy lan trên diện rộng, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số III;

d) Cấp IV (cấp nguy hiểm): Thời tiết khô hanh, hạn kéo dài, có nguy cơ cháy rừng lớn, tốc độ lan lửa nhanh. Nguy cơ cháy rừng lớn, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số IV;

đ) Cấp V (cấp cực kỳ nguy hiểm): Thời tiết khô, hạn kéo dài, có khả năng cháy lớn và lan tràn nhanh trên các loại rừng; tốc độ lửa lan rất nhanh, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số V.

2. Ký hiệu biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng là 1/2 hình tròn có đường kính vành ngoài 2,5 m; vành trong 1,8 m nền trắng, xung quanh viền màu đỏ và có mũi tên (quay được) chỉ cấp dự báo từ cấp I đến cấp V. Biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng được đặt ở cửa rừng, ven rừng, trong rừng trọng điểm cháy rừng. Biển báo làm bằng gỗ hoặc kim loại nhẹ dễ bảo quản, cất giữ trong mùa mưa, cột bằng sắt hoặc bằng gỗ chắc, cỡ kích của biển báo theo Sơ đồ tại khoản 3 Điều 2.

3. Sơ đồ biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng:



Điều 3. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng

1. Việc dự báo cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện thông qua việc xác định độ ẩm vật liệu cháy.

2. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng theo quan hệ độ ẩm vật liệu cháy với khả năng phát sinh cháy rừng như sau:

Cấp cháy	W% (Độ ẩm vật liệu cháy)	Mục trắc nếu bề vật liệu cháy	Khả năng cháy rừng	Tính cách của đám cháy
I	35-45	Dai, tay nắm có cảm giác ướt	Ít có khả năng cháy rừng	
II	25-35	Gấp đôi được	Có khả năng cháy rừng	Cường độ thấp
III	12-25	Gãy kêu lách tách	Dễ xảy ra cháy rừng	Cường độ trung bình

IV	10-15	Gãy kèo to	Dễ xảy ra cháy rừng và nguy cơ cháy	Tốc độ lan tràn của lửa nhanh; rất nóng, khó kiểm soát
V	< 10	Vò nát tinh	Rất dễ xảy ra cháy rừng, cực kỳ nguy hiểm	Tốc độ lan tràn của lửa rất nhanh, thất thường, khó kiểm soát

Trong đó: W% là phần trăm giá trị độ ẩm vật liệu cháy được tính theo công thức: $W\% = \frac{m_1 - m_2}{m_1} \times 100$, trong đó: m1 là khối lượng vật liệu cháy còn ướt (kg/m²), m2 là khối lượng vật liệu khô (kg/m²).

Điều 4. Mùa cháy rừng, vùng trọng điểm xảy ra cháy rừng

1. Mùa cháy rừng:

Mùa có khả năng cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong khoảng thời gian 05 tháng, từ tháng 12 năm trước đến hết tháng 4 năm sau.

2. Vùng trọng điểm xảy ra cháy rừng:

a) Đặc điểm vùng rừng: Ở ven rừng và đất lâm nghiệp các hộ dân sinh sống, canh tác phần lớn sống dựa vào nghề nông, hệ thống đường giao thông, các lối mòn dẫn vào rừng, xung quanh rừng thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội nhưng vào mùa khô gây khó khăn cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng. Trong các khu rừng một số hộ dân cư trú, sinh sống, ngoài ra còn có một bộ phận người dân sống theo thời vụ làm nương rẫy trong rừng, trồng các loại cây nông nghiệp ngắn ngày và cây ăn trái lâu năm xen kẽ vào trong và ven rừng. Bên cạnh đó một số ít người dân sinh sống với nghề khai thác đá chế làm vật liệu xây dựng, lấy mật ong, vào rừng lấy củi, săn bắt chim thú rừng... vào mùa khô;

b) Các nguy cơ cháy rừng: Mùa khô kéo dài các hệ thống khe, suối nguồn nước cạn kiệt, rừng rụng lá nhiều, các loại cỏ khô tạo vật liệu cháy trong rừng. Diện tích rừng phần lớn nằm trên địa hình có độ dốc cao, phức tạp, vào mùa gió mùa đông bắc (gió chướng) với cường độ mạnh nên khi xảy ra cháy rừng rất khó dập tắt ngọn lửa. Vào các ngày Lễ, Tết khách du lịch từ các nơi đến tham quan du lịch, đi lễ chùa; học sinh, sinh viên học tập, nghiên cứu, hội trại trong rừng; người dân địa phương canh tác nông nghiệp trong rừng vệ sinh rẫy sau thu hoạch; người dân sống phụ thuộc vào rừng như: đốt than, đốt ong lấy mật, đốt trắng cỏ lấy cỏ chăn nuôi gây cháy lan vào rừng; một số đối tượng đốt phá hoại, đốt rừng nhằm mục đích chiếm đất rừng;

c) Các khu vực rừng trọng điểm cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, gồm:

- Khu vực đồi núi có độ dốc cao như núi Minh Đạm (323 m), núi Bao Quan (502 m), núi Ông Cầu (504 m), núi Thị Vải (467 m); núi Tóc Tiên (428 m); thực bì gây cháy chủ yếu là tre, le, lá khô dưới tán rừng; phần lớn diện tích bề mặt địa hình

chia cắt mạnh, nhiều khe dốc hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn. Khu vực các bung trũng nơi tập trung các loại cỏ dương xỉ, cây bụi tái sinh... phát triển mạnh vào mùa mưa, vào mùa khô khi xác thực vật chết khô tạo nên lớp thảm mục dày gây cháy ngầm;

- Khu vực sườn Đông Núi Cậu tiếp giáp với đất nông nghiệp của nhiều người dân địa phương, kết hợp với lượng khách vào rừng vui chơi giải trí nhiều nên nguy cơ cháy rừng xảy ra rất cao, cụ thể gồm: khu vực Bộ đội thông tin, Suối bà khoảng 2,4 tiểu khu 15; Rừng trồng, Đảo ba nhiên, khu vực đất Út Yên khoảng 3,4,7 tiểu khu 15, khoảng 1,3 tiểu khu 16; Bãi tập bắn, Bãi xe tăng khoảng 2,5,7,10 tiểu khu 16; Hồ Than thở khoảng 9,10 tiểu khu 16; Chùa Thái Sơn khoảng 6,8 tiểu khu 16; Văn phòng ấp Thala, Hồ Than Thở đến bãi xe tăng khoảng 8,9 tiểu khu 16; phần lớn diện tích bề mặt địa hình phức tạp, có nhiều khu vực khe dốc đồi núi hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn, thực bì gây cháy chủ yếu là cỏ tranh, cỏ mỹ, lau lách, le, trúc đá, lá khô dưới tán rừng, (trong đó: le và trúc đá là loại thực bì chiếm ưu thế) và cây bụi. Do đó, khi có điều kiện thảm thực bì được tích lũy nhiều năm sẽ tạo nên những vật liệu dễ xảy ra cháy rừng;

- Khu vực rừng trên địa bàn xã Bình Lợi, xã Tân Vĩnh Lộc và xã Vĩnh Lộc, thực bì gây cháy chủ yếu là lá khô dưới tán rừng, thảm mục; tập trung các loại cỏ, cây bụi tái sinh phát triển mạnh vào mùa mưa, vào mùa khô khi xác thực vật chết khô tạo nên lớp thảm mục dày gây nguy cơ cháy.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố việc thực hiện Quyết định này. Khi cấp dự báo cháy rừng đến cấp V, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trực tiếp chỉ đạo quyết liệt các biện pháp phòng cháy rừng theo quy định. Đồng thời chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm, căn cứ tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn để dự báo và thông tin cấp dự báo cháy rừng liên tục hàng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng khi cấp dự báo đến cấp IV, cấp V.

2. Đài Phát thanh và Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo kịp thời, liên tục hàng ngày khi cấp dự báo cháy rừng từ cấp IV đến cấp V trên các bản tin để các địa phương, chủ rừng và nhân dân biết, chủ động phòng ngừa.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có rừng:

a) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, Ban Chỉ huy về phòng cháy chữa cháy rừng xã, phường, đặc khu, các ban, ngành, tổ chức đoàn thể, ấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai, thực hiện Quyết định này. Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng cháy rừng theo quy định và khi cấp dự báo cháy rừng từ cấp III đến cấp V phải trực tiếp chỉ đạo quyết liệt các biện pháp phòng cháy rừng theo quy định; triển khai các phương án phòng cháy chữa cháy rừng phải đồng bộ và phù hợp với từng vùng trọng điểm cháy rừng trên địa bàn. Thường xuyên thông tin tuyên truyền, cảnh báo cấp dự báo cháy rừng khi cấp dự báo cháy rừng từ cấp III

đến cấp V trên các phương tiện thông tin đại chúng để cộng đồng dân cư, chủ rừng và nhân dân biết, chủ động phòng ngừa;

b) Khi xảy ra cháy rừng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu được quyền huy động mọi lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy.

4. Các đơn vị chủ rừng, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động phòng cháy chữa cháy rừng:

a) Chấp hành nghiêm các quy định về phòng cháy chữa cháy rừng và thực hiện các biện pháp phòng cháy rừng theo quy định;

b) Đôn đốc bố trí người trực gác lửa rừng, lực lượng sẵn sàng kịp thời dập tắt khi mới xảy ra cháy rừng;

c) Phối hợp với lực lượng Kiểm lâm, xã, phường, đặc khu kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn việc sử dụng lửa trong rừng và gần rừng của người dân, nhất là việc đốt nương làm rẫy; tạm dừng các hoạt động xử lý thực bì bằng lửa trong thời kỳ cao điểm về cháy rừng; tuyên truyền giáo dục về phòng cháy chữa cháy rừng và phát dọn thực bì, đốt nương rẫy đúng quy định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026, bãi bỏ Quyết định số 28/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố có liên quan; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Giám đốc các Ban Quản lý: Vườn Quốc gia Côn Đảo, Rừng phòng hộ, đặc dụng; Giám đốc các Công ty: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lâm nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty Cổ phần Phát triển Công viên Cây xanh Vũng Tàu, Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Bình Dương, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cây trồng Thành phố Hồ Chí Minh; Giám đốc Khu di tích Lịch sử địa đạo Củ Chi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có rừng; các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức THPL;
- Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm;
- Vụ Pháp chế - Bộ NNMT;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Phòng ĐT, NCPC, TH;
- Lưu: VT, (ĐT/NĐD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Minh Thạnh

